

PHỤ LỤC III: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

ĐVT: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường giao thông	Giá đất UBND 2015 -2019				Huyện	Hệ số giá cụ thể so với giá đất UBND tỉnh năm 2018				Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019	Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4		
1	Quốc lộ 1A					Thông Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ giáp ranh giới huyện Trảng Bom đến giáp trụ sở UBND xã Hưng Lộc	1.600	500	360	250	Thông Nhất	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn từ trụ sở UBND xã Hưng Lộc đến đường Đại Phát Đạt	2.000	560	400	250	Thông Nhất	-	-	2,13	-	2,40	
	Đoạn từ đường Đại Phát Đạt đến cuối Khu dân cư Xóm Hố	2.200	560	400	250	Thông Nhất	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn tiếp theo đến đường Ngô Quyền - Sông Thao	2.000	560	400	250	Thông Nhất	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn từ đường Ngô Quyền - Sông Thao đến ngã tư Dầu Giây	2.600	600	390	250	Thông Nhất	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn từ ngã tư Dầu Giây đến hết trụ sở UBND xã Xuân Thạnh	2.400	600	370	250	Thông Nhất	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn tiếp theo đến cuối Khu dân cư ấp Trần Hưng Đạo	2.300	520	370	250	Thông Nhất	2,44	-	-	-	2,40	
	Đoạn còn lại đến giáp ranh thị xã Long Khánh	2.200	520	370	250	Thông Nhất	-	-	-	-	2,40	
2	Quốc lộ 20					Thông Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp ranh Khu trung tâm hành chính huyện	2.400	550	410	260	Thông Nhất	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn tiếp theo đến giáp ngã ba đường vào Nông Trường Cao su Bình Lộc	1.820	520	400	250	Thông Nhất	3,30	5,77	-	-	2,20	
	Đoạn từ ngã ba đường vào Nông Trường Cao su Bình Lộc đến giáp ngã ba đường vào ấp Lạc Sơn	2.100	480	360	240	Thông Nhất	4,32	-	-	-	2,20	
	Đoạn từ ngã ba đường vào ấp Lạc Sơn đến đường Chu Văn An-Định Quán	2.800	600	360	240	Thông Nhất	5,04	-	-	-	2,40	
	Đoạn từ Đường Chu Văn An - Định Quán đến giáp trụ sở UBND xã Gia Tân 2	2.600	500	360	240	Thông Nhất	4,69	-	-	-	2,20	

TT	Tên đường giao thông	Giá đất UBND 2015 -2019				Huyện	Hệ số giá cụ thể so với giá đất UBND tỉnh năm 2018				Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019	Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4		
	Đoạn từ trụ sở UBND xã Gia Tân 2 đến đường vào nhà văn hóa ấp Đức Long 3, xã Gia Tân 2	1.700	480	360	240	Thống Nhất	3,43	-	-	-	2,20	
	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh huyện Định Quán	1.100	400	300	200	Thống Nhất	3,58	-	-	-	1,50	
3	Tỉnh lộ 769					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến hết ranh khu dân cư ấp Trần Cao Vân	1.800	500	340	220	Thống Nhất	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn từ hết ranh Khu dân cư ấp Trần Cao Vân đến hết Khu công nghiệp Dầu Giây	1.400	450	340	220	Thống Nhất	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Lộ 25	1.300	400	300	200	Thống Nhất	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn qua xã Lộ 25	1.000	400	300	200	Thống Nhất	-	-	-	-	2,40	
	Trong đó: đoạn qua trụ sở UBND xã và chợ xã Lộ 25 tính ra mỗi bên 100m	1.200	400	300	200	Thống Nhất	-	-	-	-	2,40	
4	Tỉnh lộ 762 (Trị An - Sóc Lu)					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ QL20 đến đường Võ Đồng 3	650	260	200	130	Thống Nhất	2,06	2,03	2,04	-	2,00	
	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới xã Gia Kiệm	450	230	180	120	Thống Nhất	-	-	-	-	2,00	
5	Đoạn đường chéo từ Quốc lộ 20 đến Quốc lộ 1A	2.400	550	390	250	Thống Nhất	-	-	-	-	2,40	
6	Đường Suối Tre - Bình lộc					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ ranh thị xã Long Khánh đến Trường THCS Bình Lộc	400	160	120	80	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
	Đoạn qua ấp Xuân Thiện (từ Trường THCS Bình Lộc đến Cây Xăng)	500	220	170	110	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
	Đoạn tiếp theo đến Quốc lộ 20	600	400	250	120	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
7	Đường Vườn Xoài (đường Ông Hùng cũ)	500	220	170	110	Thống Nhất	-	-	-	-	2,40	
8	Đường Đức Huy - Thanh Bình					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc lộ 20 đến giáp ranh xã Gia Tân 2	800	400	240	160	Thống Nhất	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn còn lại	500	220	170	110	Thống Nhất	-	-	-	-	2,40	
9	Đường Chu Văn An - Định Quán					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc lộ 20 vào đến ngã ba Đồng Húc	800	400	240	160	Thống Nhất	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn còn lại	500	220	170	110	Thống Nhất	-	-	-	-	2,40	

TT	Tên đường giao thông	Giá đất UBND 2015 -2019				Huyện	Hệ số giá cụ thể so với giá đất UBND tỉnh năm 2018				Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019	Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4		
10	Đường Hưng Nghĩa					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc lộ 1A vào 500m	780	400	250	150	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
	Đoạn tiếp theo đến giáp đường ray xe lửa	600	300	250	150	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
	Đoạn từ đường ray xe lửa đến giáp ranh xã Lộ 25	380	230	150	100	Thống Nhất	-	-	-	-	2,80	
	Đoạn qua xã Lộ 25 đến Tỉnh lộ 769	500	300	220	150	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
11	Đường Tây Kim - Thanh Bình					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc lộ 20 vào 500m	800	360	240	160	Thống Nhất	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn còn lại	500	220	170	110	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
12	Đường chợ Lê Lợi - Bàu Hàm					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc lộ 20 vào 500m	520	400	250	100	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
	Đoạn còn lại	300	160	120	100	Thống Nhất	-	-	-	-	2,40	
13	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ km1+500 đến km2+500	600	360	240	120	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
	Đoạn từ đường Đông Kim - Xuân Thiện ra 500m	700	360	240	120	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
	Các đoạn còn lại (bao gồm cả đoạn từ QL20 đến km1+500)	500	180	140	100	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
14	Đường Võ Đồng 3 - Sóc Lu					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc lộ 20 vào 500m	700	360	240	130	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
	Đoạn tiếp theo đến suối	500	220	140	100	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
	Đoạn còn lại	300	190	140	100	Thống Nhất	-	-	-	-	2,40	
15	Đường Đông Kim - Xuân Thiện					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc lộ 20 vào 500m	800	360	240	160	Thống Nhất	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn còn lại	500	220	170	110	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
16	Đường Võ Đồng - Lạc Sơn					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc lộ 20 vào 500m	800	360	240	160	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
	Đoạn còn lại	500	220	170	120	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
17	Đường 20 (đường Hưng Long - Lộ 25)					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Trung tâm văn hóa xã Lộ 25	1.000	430	320	210	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	

TT	Tên đường giao thông	Giá đất UBND 2015 -2019				Huyện	Hệ số giá cụ thể so với giá đất UBND tỉnh năm 2018				Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019	Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4		
	Đoạn còn lại đến giáp xã Hưng Thịnh huyện Trảng Bom	600	380	230	150	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
18	Đường Ngô Quyền - Sông Thao					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến ngã ba cạnh văn phòng ấp Ngô Quyền	800	450	250	120	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
	Đoạn còn lại đến ranh huyện Trảng Bom	500	400	250	150	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
19	Đường ranh Hưng Thịnh - Hưng Lộc					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc lộ 1A vào 500m	550	420	300	170	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
	Đoạn còn lại	450	380	250	120	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
20	Đường từ ngã 5 Xuân Thạnh đến đường ranh Xuân Thạnh - Sông Nhạn					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ ngã 5 Xuân Thạnh đến đường vào trạm y tế ấp 9/4	950	500	340	150	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
	Đoạn từ đường vào trạm y tế ấp 9/4 đến đường ranh Xuân Thạnh-Sông Nhạn	500	380	250	150	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
21	Đường Lộ 25 - Sông Nhạn (đường Giáo xứ Xuân Triệu)					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến cầu số 5	500	380	250	150	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
	Đoạn từ cầu số 5 đến ranh huyện Cẩm Mỹ	450	300	200	120	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
22	Đường Hồng chợ Dầu Giây phía Bắc (Đường số 1 - Trần Cao Vân)	1.000	450	260	120	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
23	Đường Hồng chợ Dầu Giây phía Nam (Đường số 4 - Trần Cao Vân)	800	450	260	120	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
24	Đường Phân trạm ấp 9/4 xã Xuân Thạnh	600	350	200	120	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
25	Đường Trung tâm ấp 9/4 xã Xuân Thạnh	700	350	200	120	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
26	Đường ngã ba Đồng Húc đi đập Bình					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ ngã ba Đồng Húc vào 500m	400	170	120	80	Thống Nhất	-	-	-	-	2,30	
	Đoạn còn lại	300	160	120	80	Thống Nhất	-	-	-	-	2,20	
27	Đường cầu lạc bộ chôm chôm					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc lộ 1A vào đến ngã tư cuối Cụm Công nghiệp Hưng Lộc	600	400	250	120	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	

TT	Tên đường giao thông	Giá đất UBND 2015 -2019				Huyện	Hệ số giá cụ thể so với giá đất UBND tỉnh năm 2018				Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019	Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4		
	Đoạn còn lại	400	170	120	80	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
28	Đường Trung tâm Hưng Lộc					Thống Nhất	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc lộ 1A vào 500m	800	400	250	120	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
	Đoạn tiếp theo đến đường ray xe lửa	600	300	250	100	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
	Đoạn còn lại	400	230	150	100	Thống Nhất	-	-	-	-	2,50	
29	Đường Bến Nôm (xã Gia Tân 1 giáp xã Phú Cường, đoạn từ Nghĩa địa vô đồi 3)	190	130	100	70	Thống Nhất	-	-	-	-	1,60	